TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST Ngày 03-5-2018 V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh L**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị L.**
2. Ông **Lý Đức P**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt C** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Q** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 501/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Thu H** – Sinh năm: 1987.
Nghề nghiệp: Cán bộ; Dân tộc: Kinh.
Địa chỉ: Tổ 05, thị trấn B, huyện A, tỉnh Hà Giang.
Hôm nay vắng mặt (Đã có đơn xin giải quyết vắng mặt).
2. Bị đơn: Anh **Hà Sỹ T** – Sinh năm: 1983.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Triêng.
Địa chỉ: Tổ 05, thị trấn B, huyện A, tỉnh Hà Giang.
Hôm nay vắng mặt (Đã có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15-01-2018 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là chị Hoàng Thị Thu H trình bày: Chị H và anh T trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Chị H và anh T đã chung sống với nhau từ tháng 01/2010 và có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 02 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện A, tỉnh Hà Giang. Sau khi về chung sống với nhau, chị H và anh T chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến khoảng năm 2015, thì vợ chồng chị H, anh T phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, anh T chơi cờ bạc,

không chăm lo đến gia đình. Chị H và anh T sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Chị H xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn với anh T để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh T có hai con chung:

- Cháu Hà Hoàng M – Sinh ngày: 01-5-2010.
- Cháu Hà Hải P – Sinh ngày: 31-01-2016.

Hiện tại, cháu M và cháu P đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và cháu P, đến khi cháu M và cháu P trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu M và cháu P.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Hà Sỹ T nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được vì đương sự vắng mặt (Chị H và anh T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Hoàng Thị Thu H vắng mặt có lý do (Chị H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt). Chủ tọa phiên tòa công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và những tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Chị H có quan điểm đề nghị giải quyết cho chị H ly hôn với anh T để mỗi người có một cuộc sống riêng. Về phần con chung, chị H giữ nguyên quan điểm sau khi ly hôn, chị sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và cháu P đến khi cháu M và cháu P trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu M, cháu P. Về tài sản chung và công nợ, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Hà Sỹ T vắng mặt có lý do (Anh T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt). Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung đơn xin giải quyết vắng mặt của anh T. Về quan hệ hôn nhân, anh T có quan điểm nhất trí ly hôn với chị H để mỗi người có một cuộc sống riêng. Về phần con chung, anh T có quan điểm sau khi ly hôn sẽ giao cháu M và cháu P cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu M và cháu P trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị Hoàng Thị Thu H đối với anh Hà Sỹ T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Hoàng Thị Thu H và anh Hà Sỹ T ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Hà Hoàng M – Sinh ngày: 01/5/2010 và cháu Hà Hải P – Sinh ngày: 31/01/2016 cho chị Hoàng Thị Thu H – Địa chỉ: Tổ 05, thị trấn B, huyện A, tỉnh Hà Giang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Hà Hoàng M và cháu Hà Hải P trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 03-5-2018.

Anh Hà Sỹ T không phải cấp dưỡng nuôi cháu M và cháu P. Anh T có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4.Về tài sản, công nợ: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Hoàng Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện A giải quyết việc hôn nhân của chị và anh T. Theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Hà Sỹ T xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 14-02-2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện A, tỉnh Hà Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau vợ, chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng, trái ngược nhau trong công việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, anh T chơi cờ bạc, không chăm lo đến gia đình. Chị H và anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H có đơn xin ly hôn với anh T. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T cuộc sống chung không hoà hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, anh T chơi cờ bạc, không chăm lo đến gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu Hà Hoàng M – Sinh ngày: 01/5/2010 và cháu Hà Hải P – Sinh ngày: 31/01/2016 cho chị H nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu P và cháu M trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu M và cháu P.

Tòa án xét thấy nguyện vọng của chị H là phù hợp, anh T cũng có quan điểm nhất trí giao cháu M và cháu P cho chị H nuôi dưỡng, để đảm bảo được cuộc sống và điều kiện ăn học cho cháu M và cháu P, cháu M có nguyện vọng

được ở với chị H. Do vậy cần phải giao cháu Hà Hoàng M và cháu Hà Hải P cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu M và cháu P trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 03-5-2018.

Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Hà Sỹ T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Khoản 1, khoản 3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị Hoàng Thị Thu H và anh Hà Sỹ T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Hoàng Thị Thu H và anh Hà Sỹ T ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Hà Hoàng M – Sinh ngày: 01/5/2010 và cháu Hà Hải P – Sinh ngày: 31/01/2016 cho chị Hoàng Thị Thu H – Địa chỉ: Tổ 05, thị trấn B, huyện A, tỉnh Hà Giang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu M và cháu P trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 03-5-2018.

Anh Hà Sỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 01793 ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang (Chị H đã nộp đủ tiền án phí).

5. Quyền kháng cáo: Báo cho chị Hoàng Thị Thu H và anh Hà Sỹ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện A;*
- *TAND tỉnh;*
- *UBND thị trấn A;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Anh Luyện

Bản án gốc thông qua tại phòng nghị án những nội dung đã thảo luận, các thành viên hội đồng xét xử nhất trí ký tên.

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**